

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2025/HS-ST**
Ngày 04-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Trần Phúc và bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Công K, sinh năm 1962; nơi sinh: Tây Ninh; CCCD số: 072062002132; nơi cư trú: Số 151 đường N, Khu phố E, Phường X, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay Khu phố A, phường B, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH P; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P (đã chết); vợ: Nuôn Thị Lệ C; con: 01 người, sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

- Năm 2011, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về môi trường xử phạt 10.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản không giấy phép, đã nộp phạt, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

- Tháng 9/2013, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về môi trường xử phạt 15.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản không giấy phép, đã nộp phạt, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

- Tháng 12/2013, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về môi trường xử phạt 15.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản không giấy phép, đã nộp phạt, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp S, xã B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2/ Bà **Phan Thị M**, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp 4, xã C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3/ Ông **Phạm Thanh S**, sinh năm 1955; cư trú tại: Khu phố P, phường D, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

4/ Ông **Huỳnh Vương T**, sinh năm 1973; cư trú tại: Khu phố G, phường O, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

5/ Ông **Đỗ Văn K1**, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp B, xã N, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

6/ Bà **Nuôn Thị Lệ C**, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 151 đường N, khu phố E, phường X, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn P (gọi tắt Công ty P) có trụ sở tại số 151 đường Nguyễn Trãi, Khu phố 4, Phường 4, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là phường B, tỉnh Tây Ninh) do Trần Công K làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) tỉnh Tây Ninh cấp phép theo Quyết định số 1110 ngày 30/5/2011, về việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại các thửa đất số: 900, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 894, 895, 435, 436, 437, 442, 453, 454, 351, 352, 367, 368, 369, 370, 413, 414, 438, 439, 440, 441, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 893, 450, 451, 452 tờ bản đồ số 05 và thửa 238, 252 tờ bản đồ số 44, ấp S, xã Thành Long, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp N, xã B, tỉnh Tây Ninh), tổng diện tích khai thác là 51.676m², tổng trữ lượng khai thác 238.714m³, công suất khai thác 79.571m³/năm, thời gian khai thác 36 tháng, từ tháng 5/2011 đến tháng 5/2014. Công ty P có trách nhiệm: Tiến hành hoạt động khai thác đất san lấp theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất...

Đến ngày 25/12/2014, Công ty P lập đề án đóng cửa mỏ và đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt. Ngày 12/8/2015, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã cấp cho Công ty P theo Giấy phép trên, đồng thời đề nghị Công ty P thực hiện đưa khu vực khai thác dở dang về trạng thái an toàn; cải tạo phục hồi môi trường sau khi khai thác, diện tích đóng cửa mỏ 51.676m²; San gạt đáy moong tương đối bằng phẳng tại cao độ -2,7m, tương ứng với độ sâu 5,9m; Xử lý sườn tầng và bờ mỏ đạt góc dốc 45°; vách moong thành 03 tầng, mỗi tầng 02m; Đại bảo vệ rộng 3m; trồng 666 cây cao su; Lắp 05 biển báo; Lắp đặt hàng rào B40 bao quanh chu vi mỏ 1.858m; khối lượng đất dôi dư đề xuất được vận chuyển ra khỏi mỏ là 2.609m³; thời gian thực hiện đề án là 06 tháng, kể từ ngày 12/8/2015. Căn cứ Quyết định trên, Công ty P có trách nhiệm: Kê khai nộp đầy đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tương ứng với khối lượng đất san lấp dôi dư được vận chuyển ra khỏi mỏ theo đề án đã được phê duyệt; Thực hiện đầy đủ khối lượng và đúng tiến độ theo đề án đóng cửa mỏ; Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) khi hoàn thành đề án đóng cửa mỏ để tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ và là cơ sở ban hành Quyết định đóng cửa mỏ; Bảo đảm tuyệt đối an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ theo quy định.

Sau khi được phê duyệt, Công ty P không thực hiện các nội dung theo Quyết định của UBND tỉnh Tây Ninh đề đóng cửa mỏ.

Khoảng tháng 5/2022, Trần Công K thỏa thuận với ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968, ngụ ấp S, xã B, tỉnh Tây Ninh về việc thực hiện mức đất, tập kết tại khu vực kế bên để phục vụ việc đóng cửa mỏ. Theo thỏa thuận, chi phí thực hiện do ông Đ chi trả và ông Đ sẽ được hưởng lợi từ việc tận dụng phần đất dôi dư sau khi có quyết định đóng cửa mỏ. Ngày 24/5/2022, Công ty P gửi Thông báo số 05/TTP-TBĐCM đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh thông báo thời gian dự kiến thi công đóng cửa mỏ và xin gia hạn thời hạn đóng cửa mỏ là 09 tháng. Ngày 21/10/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh ban hành Công văn số 7041/STNMT-PQLTNN&KS về việc xin gia hạn thực hiện đóng cửa mỏ, đề nghị Công ty P sớm khẩn trương nộp báo cáo kết quả gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh trước ngày 01/11/2022.

Từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2022, ông Nguyễn Văn Đ thuê người và phương tiện thực hiện mức đất tại mỏ và tập kết thành 3 bãi do Công ty P ký hợp đồng thuê đất. Tuy nhiên, khối lượng đất tập kết thực tế vượt khối lượng đất dôi dư theo đề án đóng cửa mỏ.

Ngày 07/3/2023, UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh có báo cáo số 94/BC-UBND về việc thực hiện công tác đóng cửa mỏ của Công ty P tại ấp S, xã B, với nội dung: Theo Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thì khối lượng đất dôi dư đề xuất được vận chuyển ra khỏi mỏ là 2.609m³, nhưng qua quan sát, ước tính khối lượng đất dôi dư đang tập kết tại 03 vị trí khoảng trên 20.000m³ lớn hơn khối lượng nêu trong quyết định số 1801/QĐ-UBND.

Đến ngày 17/3/2023, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, Sở Xây dựng, UBND huyện C, UBND xã T kiểm tra thực tế công tác đóng cửa mỏ khoáng sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn P phát hiện đất tập kết có dấu hiệu vượt trữ lượng đất dôi dư theo đề án đóng cửa mỏ nên đã lập biên bản và đề nghị Công ty P thực hiện đầy đủ các hạng mục cải tạo phục hồi môi trường theo đề án đã được phê duyệt; không vận chuyển hết khối lượng đất tại 02 vị trí tập kết ra ngoài, thực hiện khắc phục hoàn trả khối lượng tại mỏ đảm bảo độ sâu thiết kế theo đề án được duyệt, thời gian khắc phục trong vòng 30 ngày.

Ngày 20/4/2023, khi nhân viên Công ty P đang thực hiện san gạt đất về lại vị trí cũ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh thì Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu phối hợp cùng Công an huyện C kiểm tra và lập biên bản tạm giữ các phương tiện.

Qua quá trình kiểm tra, đo đạc, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh Tây Ninh xác định tổng khối lượng đất nguyên khối còn tồn tại 3 bãi đất là 67.777 m³ do Công ty trách nhiệm hữu hạn Khảo sát và Đo đạc L thực hiện. Ngày 24/5/2023, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh Tây Ninh lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trần Công K, Giám đốc Công ty P đã có hành vi khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm là 67.777 m³ khối lượng đất nguyên khối. Ngày 06/7/2023, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh Tây Ninh ra Quyết định chuyển vụ việc vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra đã xác định: Tại khu vực mỏ đất thuộc ấp S, xã B, tỉnh Tây Ninh do Trần Công K cùng với 03 người gồm: ông Nguyễn Văn Đ; bà Phạm Thị M, sinh năm 1966, ngụ Ấp 4, xã C, tỉnh Tây Ninh và ông Phạm Thanh S, sinh năm 1955, ngụ khu phố Thanh Phước, phường C, tỉnh Tây Ninh góp vốn mua đất để khai thác từ năm 2011. Để làm hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác, những người tham gia thống nhất để cho K đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng pháp nhân Công ty P lập hồ xin giấy phép khai thác. Việc tham gia góp vốn không làm hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận

mà chỉ trao đổi miệng giữa những người tham gia góp vốn với nhau. Trong quá trình khai thác, ông Phạm Thanh S đã chuyển nhượng quyền khai thác cho ông Huỳnh Vương T, sinh năm 1973, ngụ khu phố G, phường O, tỉnh Tây Ninh. Sau đó, ông T nhờ ông Đỗ Văn K1, sinh năm 1957, ngụ ấp B, xã N, tỉnh Tây Ninh (là người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân Hải Đăng Khoa) ký kết hợp đồng ủy quyền thực hiện khai thác giữa Doanh nghiệp H với Công ty P để ông T thực hiện khai thác. Những người tham gia khai thác đến khoảng tháng 5/2014 thì ngưng do khu vực khai thác hết hạn. Do quá trình khai thác từ năm 2011 đến nay đã lâu những người tham gia không còn tài liệu và không nhớ trữ lượng đã khai thác.

* Căn cứ Kết luận giám định tư pháp ngày 31/7/2024 của Tổ giám định tư pháp theo Quyết định số 7560/QĐ-STNMT ngày 01/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh kết luận:

- Về tổng diện tích đã tác động: Tổng diện tích đã tác động khai thác tại thời điểm tháng 6/2024 bao gồm 3 khu (Khu 1, Khu 2, Khu 3) là 42.067m². Diện tích các moong khai thác tại thời điểm tháng 6/2024 đều nằm trong diện tích đã tác động tại thời điểm tháng 5/2014 (thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ, đã được thông qua Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ và được phê duyệt tại Quyết định số 1801/QĐ-UBND). Như vậy, không có diện tích vượt diện tích khai thác so với thời điểm đóng cửa mỏ. Tuy nhiên, có tác động vượt chiều sâu cho phép (tính từ cote -2,7m; theo Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 12/8/2015) với tổng diện tích được tính là tổng diện tích tác động T bình của các khu thay đổi (so với hiện trạng đóng cửa mỏ) là 7.107m²; lớn nhất đạt 15.039 m².

- Về tổng khối lượng đất khai thác trái phép: Là tổng khối lượng khai thác từ năm 2014 (thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ) đến tháng 6/2024 và trừ khối lượng được vận chuyển theo quyết định số 1801/QĐ-UBND là: 66.824m³ – 2.609m³ = 64.215 m³. Trong đó:

+ Khối lượng khai thác từ độ cao địa hình năm 2014 đến cote -2,7m là 14.026 m³ với bề dày khai thác T bình từ 0-1,8m.

+ Khối lượng khai thác vượt cote -2,7m là 50.189m³ với bề dày khai thác T bình từ 0-7,3m T bình 4,5m. Bao gồm: Khối lượng khai thác vượt chiều sâu từ 0-3m (tương ứng từ cote -2,7m đến cote -5,7m) là 41.944m³; Khối lượng khai thác vượt chiều sâu từ 3-5m (tương ứng từ cote -5,7m đến cote -7,7m) là 7.341m³; Khối lượng khai thác vượt chiều sâu từ trên 5m (tương ứng từ cote -7,7m trở xuống là 904m³.

- Loại khoáng sản khai thác trái phép là đất san lấp. (Bút lục số: 666 - 668).

* Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 15/KL-HĐĐG ngày 22/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tây Ninh, thời điểm định giá ngày 20/4/2023, kết luận: khối lượng 64.215m³ đất san lấp có giá trị 5.265.630.000 đồng (Bút lục số: 754).

* Căn cứ vào công văn số 3077/SNNMT-TNNKS ngày 26/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phúc đáp Công văn số D492/VPCQCSĐT ngày 13/8/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh, đất san lấp là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (Bút lục số: 960-961).

* Kết quả thu giữ, xử lý vật chứng: 01 xe ô tô tải ben, biển số 70C-152.79, nhãn hiệu HINO-FL, màu trắng, số khung JHDFMILU8XX10611, số máy J08CT133425 (đã qua sử dụng) thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976, ngụ khu phố Thanh S, phường C, tỉnh Tây Ninh; 01 xe máy đào bánh xích, nhãn hiệu KOMATSU, biển số 50XA-6176, số loại PC120, số khung: PC120-063842, số máy: 4D10226266072 (đã qua sử dụng) thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hồng K2, sinh năm 1975, khu phố Thanh S, phường C, tỉnh Tây Ninh (đã xử lý trả lại chủ sở hữu ngày 16/6/2023); 01 xe ủi bánh xích, số máy 4D92-1-57527, số khung D20-332791 (đã qua sử dụng), số máy không bị đục xóa.

* Về phong tỏa tài sản: Ngày 26/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh, tiến hành phong tỏa tài khoản 813010341199 của Trần Công K là tiền Việt Nam 500.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần R (Ngân hàng R) - Chi nhánh tỉnh Tây Ninh.

Quá trình điều tra bị cáo Trần Công K thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo có nhiều đóng góp cho địa phương nên được tặng nhiều giấy khen, bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, UBND Phường 4, UBND thành phố Tây Ninh, UBND huyện C, UBND xã T...

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKSTN-P3 ngày 22-10-2025 của Viện Kiểm sát nhân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Trần Công K về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Công K phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Công K từ 700 triệu đồng đến 01 tỷ đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như sau:

Bị cáo Trần Công K đã thực hiện hành vi khai thác trái phép đất san lấp là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực mỏ đất thuộc ấp S, xã B, tỉnh Tây Ninh với khối lượng khoáng sản có giá trị trên 1.000.000.000 đồng.

Xét thấy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bà Nuôn Thị Lệ C, sinh năm 1960 là vợ của bị cáo Trần Công K, bà C là người có góp vốn cùng Trần Công K để thành lập Công ty P nhưng mọi hoạt động của Công ty P đều do bị cáo Trần Công K quản lý, điều hành, bà không biết việc khai thác khoáng sản của Công ty nên không xem xét xử lý.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ là người thực hiện móc và tập kết đất tại mỏ đất từ tháng 5/2022 đến tháng 10/2022. Bị cáo K và ông Đ không có bàn bạc thống nhất để khai thác trái phép số lượng 64.215m³ sau khi phê duyệt đề án đóng cửa mỏ. Chỉ thỏa thuận miệng với nhau phần đất dôi dư sau khi nhà nước

phê duyệt đề án đóng cửa mỏ thì ông Đ hưởng nên ông Đ đồng ý với bị cáo K thực hiện việc nạo vét đất cho bằng phẳng đáy moong để Công ty P thi công cải tạo thực hiện đóng cửa mỏ theo quy định. Quá trình điều tra không chứng minh số đất ông Đ tập kết bị đem ra ngoài trái phép, thời điểm khảo sát vào ngày 28/11/2023 số đất ông Đ tập kết đã được bị cáo K tự nguyện ban gạt trở lại hiện trạng nên không có cơ sở xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn Đ.

Đối với những người tham gia góp vốn khai thác và liên quan khác gồm: Bà Phạm Thị M, ông Phạm Thanh S, ông Huỳnh Vương T và ông Đỗ Văn K1 có tham gia hùn vốn khai thác với bị cáo K từ năm 2011 đến tháng 5/2014 sau khi mỏ đất hết thời hạn khai thác thì ngưng nên không xem xét xử lý.

Đối với Ủy ban nhân dân xã B (nay là Ủy ban nhân dân xã B), Ủy ban nhân dân huyện C được Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh giao nhiệm vụ phối hợp giám sát việc đóng cửa mỏ của Công ty P, kịp thời phát hiện, báo cáo sai phạm để xử lý. Các cơ quan trên có tham gia kiểm tra và phát hiện hành vi vi phạm tại mỏ đất của Công ty P và yêu cầu Công ty khắc phục. Các cá nhân, tổ chức tại các đơn vị trên không vì vụ lợi bao che sai phạm nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về khai thác tài nguyên, tác động trực tiếp đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

[4] Khi quyết định hình phạt, cần xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

- + Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- + Bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả xảy ra bằng cách ban gạt đất trở lại hiện trạng được kiểm tra tại Biên bản khảo sát ngày 28/11/2023 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- + Bị cáo được tặng thưởng Giấy khen của Chủ tịch UBND xã T với thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân xã năm 2012, đây là hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật thi đua khen thưởng nên

được xem là tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo có nhiều giấy khen, bằng khen, thư cảm ơn của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, UBND thành phố T, UBND huyện C, UBND xã L, UBND Phường B, UBND xã T vì có nhiều đóng góp cho địa phương nên xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo đang bị bệnh nặng đang điều trị tại Bệnh viện Đại học Y nên được xem xét hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn và áp dụng Điều 35 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục khắc phục thiệt hại, khôi phục lại hiện trạng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 227 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- 01 xe ô tô tải ben, biển số 70C-152.79, nhãn hiệu HINO-FL, màu trắng, số khung JHDFMILU8XX10611, số máy J08CT133425 (đã qua sử dụng) thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976, ngụ khu phố Thanh S, phường C, tỉnh Tây Ninh; 01 xe máy đào bánh xích, nhãn hiệu KOMATSU, biển số 50XA-6176, số loại PC120, số khung: PC120-063842, số máy: 4D10226266072 (đã qua sử dụng) thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hồng K2, sinh năm 1975, khu phố Thanh S, phường C, tỉnh Tây Ninh. Chủ sở hữu không biết xe được sử dụng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật đồng thời Cơ quan Điều tra cũng đã xử lý trả xe lại cho chủ sở hữu là đúng quy định.

- 01 xe ủi bánh xích, số máy 4D92-1-57527, số khung D20-332791 (đã qua sử dụng), số máy không bị đục xóa, được xác định là của ông Nguyễn Văn Đ sử dụng thực hiện nạo vét đất nhưng ông Đ không biết việc khai thác đất của bị cáo K là trái phép nên trả lại xe này cho ông Đ.

[8] Về phong tỏa tài khoản: Để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án phạt tiền của bị cáo, tiếp tục thực hiện lệnh phong tỏa tài khoản đối với bị cáo; giao cho Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 – Tây Ninh 01 Thẻ tiết kiệm mang tên

Trần Công K, số tiền gửi 500 triệu đồng, được mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Công K phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Công K 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Trả cho ông Nguyễn Văn Đ 01 xe ủi bánh xích, số máy 4D92-1-57527, số khung D20-332791 (đã qua sử dụng).

3.2. Buộc bị cáo Trần Công K phải sửa chữa, khôi phục lại toàn bộ khối lượng khoáng sản đã khai thác là 64.215m³ đất san lấp về vị trí khai thác tại khu vực mỏ đất thuộc ấp S, xã B, tỉnh Tây Ninh.

4. Về phong toả tài khoản:

Tiếp tục thực hiện Lệnh phong toả tài khoản số D752/LPT-CSKT ngày 26/9/2025 đối với bị cáo Trần Công K; chuyển giao cho Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 – Tây Ninh 01 bản chính Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số seri AAE 2964777 mang tên Trần Công K, số tiền gửi 500 triệu đồng, tại R, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án phạt tiền của bị cáo.

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 10- Tây Ninh;
- Sở Tư pháp Tây Ninh;
- Phòng THADS KV 10 – Tây Ninh;
- Phòng PV 06;
- Thi hành án HS;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Bảo Ngọc